

Tăng trưởng kinh tế và thay đổi về tầm vóc của trẻ em Việt Nam

Phạm Minh Thái
Vũ Thị Vân Ngọc

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế và giảm nghèo. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) theo đầu người đã tăng hơn 20 lần, từ mức chưa tới 100 đô-la vào năm 1990 lên khoảng 2.215 đô-la vào năm 2016. Tỷ lệ nghèo giảm nhanh chóng từ 58% vào năm 1993 xuống còn 13,5% vào năm 2014 và khoảng 8,58% vào năm 2016, nhờ đó khoảng 40 triệu người Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng nghèo. Kết quả tăng trưởng ấn tượng này đã giúp Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất châu Á trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp trên thế giới.

1. Mở đầu

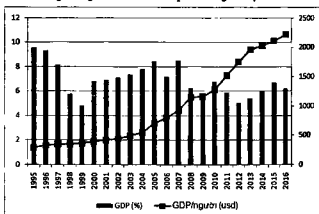
Theo kết quả tổng điều tra năm 2010 và điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm, ở Việt Nam chiều cao của nam giới là 164,4 cm và nữ 153,4 cm. Theo các giai đoạn thì mức tăng chiều cao trong 10 năm qua có mức tăng nhanh nhất. Cụ thể, theo hằng số sinh học người Việt Nam năm 1975, chiều cao thanh niên Việt Nam (không phải là chiều cao trung bình đạt được) với nam giới là 160 cm và nữ giới là 150 cm. Tới năm 2000, theo kết quả của tổng điều tra Dinh dưỡng, chiều cao nam thanh niên là 162,3 cm và nữ là 152,4 cm. Từ năm 2010 đến 2016, theo kết quả của tổng điều tra và Giám sát Dinh dưỡng hàng năm, chiều cao đạt được của nam là 164,4 cm và nữ 153,4 cm. Đặc biệt hơn nữa, sự tăng trưởng chiều cao này thể hiện rõ nhất ở trẻ em. Nếu như chiều cao trẻ trai 5 tuổi của Việt Nam năm 2000 là 100,6 cm thì tới năm 2010 là 109,9 cm. Như vậy, rõ ràng là chiều cao của trẻ em Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể trong giai đoạn vừa qua đặc biệt với nhóm trẻ em sinh ra vào khoảng đầu những năm 2000. Do đó, bài viết này sẽ tập trung phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng chiều cao của trẻ em Việt Nam nói riêng và con người Việt Nam nói chung với những thành tựu tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo trong giai đoạn vừa qua.

2. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1995-2015

Về tăng trưởng kinh tế sau giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990) với mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4%, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua gần 20 năm với mức tăng trưởng rất ấn tượng. Tăng trưởng GDP tương đối ổn định trong những năm 1990, bắt đầu tăng vào đầu những năm 2000 và đạt mức cao nhất vào năm 2008. Giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân tăng 8,2%/năm gấp đôi so với 5 năm trước đó; giai đoạn 5 năm tiếp theo 1996-2000, mặc dù cùng chịu tác động

của khủng hoảng tài chính khu vực (1997-1999), GDP vẫn duy trì bình quân tăng 7,6%/năm; giai đoạn 2001-2005, GDP tăng bình quân 7,34%; giai đoạn 2006-2010, do suy giảm kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,32%/năm. Trong các năm tiếp theo, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và khủng hoảng nợ công 2010, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam tuy đã chậm lại nhưng vẫn đạt 5,9%/năm, là mức cao của khu vực và thế giới (Hình 1).

Hình 1: Tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người Việt Nam 1995-2015



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới

Tăng trưởng kinh tế diễn ra trên diện rộng đã đem lại những cải thiện đáng kể về chất lượng cuộc sống cho hầu hết người dân. Tỷ lệ nghèo đã giảm liên tục trong vòng khoảng hai thập kỷ, từ 58% vào năm 1993 xuống còn 13,5% vào năm 2014 và khoảng 8,58% vào năm 2016 và nhờ đó mà khoảng 40 triệu người đã thoát nghèo trong giai đoạn này. Chất lượng cuộc sống của ngay cả những người còn chưa thoát nghèo cũng được cải thiện đáng kể. Các chỉ số phi thu nhập như sự tiếp cận của người nghèo đến các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ sở hạ tầng (giao dục, y tế, điện, đường đi, nước, vệ sinh môi trường...) cũng khẳng định xu hướng rất tích cực này.

3. Chỉ tiêu dinh dưỡng của người Việt Nam

Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (2013) công bố báo cáo nghiên cứu sâu dựa trên kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2012 tại 12 tỉnh ở Việt Nam cho thấy chỉ tiêu lương thực thực phẩm trung bình của người dân tại các địa phương được khảo sát năm 2012 cao hơn 73% so với năm 2006; với tốc độ tăng trung bình hàng năm là 9,7%.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, từ năm 2010 đến 2015, giá trị tiêu dùng hàng thực phẩm của Việt Nam mỗi năm tăng gấp rưỡi, từ 358.000 tỷ đồng lên xấp xỉ 538.000 tỷ đồng năm 2016. Chỉ số tiêu dùng thực phẩm bình quân theo đầu người cũng tăng tương ứng trong giai đoạn 2010-2015. Năm 2015, con số này vào khoảng 5,6 triệu đồng và dự kiến đạt 5,77 triệu đồng vào 2016. Nếu so với năm 2004, tiêu dùng thực phẩm bình quân của mỗi người tăng gấp 3 lần.

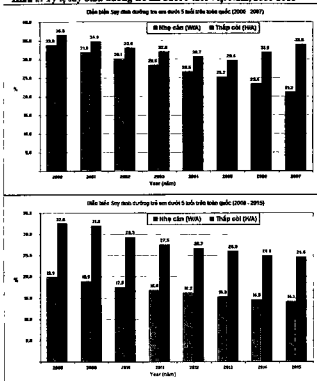
Kết quả khảo sát của Kantar Worldpanel Việt Nam cho thấy Người dân Việt Nam chỉ tiêu ngày càng nhiều cho thực phẩm, thức uống dinh dưỡng, thị trường các ngành hàng dinh dưỡng cho tiêu dùng tại nhà đạt mức tăng trung bình 10%/năm giai đoạn 2011-2016, và được dự đoán sẽ đạt đến 6 tỷ USD vào năm 2020. Theo khảo sát, trung bình một hộ gia đình Việt chỉ hơn 3% trong tổng thu nhập mỗi tháng cho các loại thực phẩm, thức uống dinh dưỡng tại nhà. Cứ mỗi năm, các hộ gia đình ở thành thị lại tăng chi thêm 10% cho ngành hàng này và ở nông thôn, chi tiêu cho lĩnh vực này cũng đang tăng tốc do người dân đã có ý thức hơn đến bảo vệ sức khỏe. Hiện nay, có đến 74% hộ gia đình thành thị và 65% hộ gia đình nông thôn ưu tiên mua các loại thức uống không đường hoặc ít đường.

4. Thay đổi về tầm vóc của trẻ em Việt Nam giai đoạn 1995-2015

Theo báo cáo của Bộ Nội vụ và Quý dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam, tầm vóc người Việt trung bình của nam giới chỉ đạt 164,4cm, nữ giới đạt 153,4cm, thấp hơn lần lượt 13cm và 10cm so với chuẩn chung của thế giới. Hiện đất nước đứng đầu trong danh sách chiều cao của nam thanh niên Châu Á là Hàn Quốc với chiều cao 175,3cm; tiếp sau đó là Nhật Bản (171,2cm), Singapore (170,6cm), Trung Quốc (169,4cm), Ấn Độ (165,3cm), Malaysia (164,7cm). Việt Nam đứng thứ 3 từ dưới lên với chiều cao trung bình là 164,4cm. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), đến năm 2015 có khoảng 29,5% trẻ em dưới 5 tuổi ở các nước đang phát triển bị suy dinh dưỡng thấp còi. Trong đó, theo Tổng kết Dinh dưỡng Toàn cầu năm 2014, tại Việt Nam con số này là 25,9%. Như vậy, trong khoảng 6,5 triệu trẻ em Việt Nam dưới 5 tuổi thì có khoảng 1,7 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi. Chiều cao của trẻ em chịu ảnh hưởng từ các yếu tố: dinh dưỡng (32%), di truyền (23%), rèn luyện thể lực (20%), môi trường sống, bệnh tật, giấc ngủ và một số yếu tố khác. Trong đó, nguyên

nhân chính dẫn đến tình trạng trẻ em Việt Nam không phát huy tối ưu tiềm năng phát triển chiều cao là sự thiếu hụt Canxi trong khẩu phần ăn hàng ngày của phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ.

Hình 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi Việt Nam, 2000-2015



Nguồn: Số liệu thống kê của Viện Dinh dưỡng Quốc gia

Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở Việt Nam ở mức cao so với khu vực với khoảng 1 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng, hàng ngàn trẻ em tử vong do nguyên nhân có liên quan đến suy dinh dưỡng (Viện Dinh dưỡng quốc gia, 2013). Số liệu thống kê của Viện Dinh dưỡng năm 2012 cho thấy, cứ 5 trẻ dưới 5 tuổi có 1 trẻ bị thiếu cân, cứ 3 trẻ dưới 5 tuổi có 1 trẻ bị thấp còi (Hình 3). Khi trẻ bị suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng sẽ dẫn đến việc biếng ăn, ảnh hưởng đến sức khỏe, nhận thức, giảm khả năng học hỏi. Khi trẻ thiếu vi chất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của hệ xương và dẫn đến bị thấp còi.

Suy dinh dưỡng trong những năm đầu đời ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ. Nhiều nghiên cứu đã xác định rõ mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng khi còn nhỏ đến sự phát triển thể chất, tinh thần, khả năng lao động và nguy cơ mắc các bệnh không lây nhiễm như tim mạch, huyết áp, ung thư sau này. Tại Việt Nam, dù đã có nhiều thành tựu trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, nhưng tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em nước ta vẫn còn ở mức cao, đặc biệt là suy dinh dưỡng thể thấp còi là 29,3% năm 2010 và 26,7% (2012). Trong đó, giai đoạn trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng cao nhất là từ 12 tới 24 tháng tuổi và tỷ lệ suy dinh dưỡng giữ ở mức cao cho đến 60 tháng tuổi. Kết quả điều tra 30 cụm trên toàn quốc năm 2016 cho thấy, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi là 13,8%, suy dinh dưỡng thấp còi là 24,3%.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng 11-14 tuổi vẫn còn cao ở vùng nông thôn và vùng thành thị. Điều này có thể giải thích một phần do chương trình dinh dưỡng quốc gia ít quan tâm đến vấn đề dinh dưỡng ở những nhóm tuổi này mặc dù tình trạng kinh tế xã hội ở những vùng này trong những năm qua đã cải thiện mức sống phần đông dân số. Mối liên quan giữa tình trạng kinh tế xã hội và tình trạng dinh dưỡng trẻ đã được nghiên cứu ở nhiều quốc gia và chỉ ra rằng sự phát triển kinh tế xã hội cải thiện tình trạng BMI của trẻ. Nhóm nghiên cứu chỉ ra mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng kinh tế xã hội và tình trạng dinh dưỡng trẻ khi trẻ em ở thành thị nặng hơn 4,8kg và cao hơn 3,5cm so với trẻ em ở nông thôn.

5. Một số yếu tố tác động đến thay đổi tâm vóc trẻ em Việt Nam

Trước đây, nhiều người cho rằng chiều cao phụ thuộc vào di truyền. Tuy nhiên nhiều công trình nghiên cứu gần đây đã cho thấy việc phát triển chiều cao của trẻ phụ thuộc vào di truyền chỉ là 20% còn lại là do yếu tố dinh dưỡng, rèn luyện thể thao và môi trường. Nếu cải thiện chế độ ăn, cộng thêm luyện tập thể thao thì tâm vóc của người Việt hoàn toàn có thể được cải thiện.

Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp can thiệp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em Việt Nam của Viện Dinh Dưỡng thực hiện với mục đích đánh giá thực trạng và yếu tố nguy cơ của trẻ suy dinh dưỡng thấp còi tiến hành trên gần 2000 trẻ dưới 2 tuổi tại 4 tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Gia Lai, Kon Tum đã cho thấy tỷ lệ trẻ dưới 2 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi còn rất cao, 41,3%, tăng dần theo tuổi (từ 22% ở nhóm 0-5 tháng đến 62% ở nhóm 18-23 tháng). Tỷ lệ trẻ dưới 2 tuổi suy dinh dưỡng nhẹ cân là 24,8% tăng dần theo tuổi (từ 15% ở nhóm 0-5 tháng đến 32% ở nhóm 18-23 tháng). Thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ dưới 2 tuổi còn cao, tỷ lệ thiếu máu ở trẻ dưới 2 tuổi là 58,6%, tỷ lệ thiếu kẽm là 49,5%. Kết quả điều tra trên 262 bà mẹ có trẻ 7-23 tháng tuổi tại Phú Thọ cho thấy tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm trong một giờ đầu là 49,6%, bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 27,8%, bú mẹ đến 1 tuổi là 60,6%, bú mẹ đến 2 tuổi là 11,1%. Tỷ lệ bà mẹ cho con ăn trước 6 tháng tuổi là 76,7%, việc thực hành ăn bổ sung theo phương pháp đa dạng thực phẩm bổ sung dầu mỡ chỉ đạt 55%.

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi và đề xuất các giải pháp làm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng tỉnh Khánh Hòa (2014) cho thấy có mối liên quan giữa các chỉ số nhân trắc, tình trạng suy dinh dưỡng và các yếu tố dân số, kinh tế, xã hội như sau: không có sự khác biệt có ý nghĩa về tỷ lệ suy dinh dưỡng giữa trẻ trai và trẻ gái; tỷ lệ suy dinh dưỡng tăng đối với trẻ trên 24 tháng tuổi; nguy cơ suy dinh dưỡng thấp nhẹ cân và thấp còi cao gấp 7,2 và 2,5 lần ở nhóm trẻ có cân nặng

lúc sinh thấp hơn 2,5 kg; trẻ em người dân tộc thiểu số có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao hơn hẳn so với trẻ em người Kinh; xu hướng suy dinh dưỡng sẽ giảm theo mức tăng của trình độ học vấn của mẹ và mức đời sống kinh tế của hộ gia đình; nguồn nước sử dụng có ảnh hưởng đến tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ; thực trạng kiến thức và thực hành dinh dưỡng của mẹ và người nuôi dưỡng chính vẫn còn hạn chế, nhất là kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung và nuôi trẻ bị ốm.

Nguyễn Ngọc Hiền và Sin Kam (2008) đã kết luận rằng tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em là do các yếu tố chính về người mẹ, yếu tố kinh tế xã hội và môi trường gây ra, tình trạng thiếu cân và thấp còi khu vực Bắc Trung Bộ kém hơn so với tình trạng chung cả nước có thể do 6 tỉnh duyên hải Bắc Trung Bộ kém phát triển hơn so với các tỉnh khác ở Việt Nam.

Khi thực tế đã có nhiều chương trình hướng tới mục tiêu nâng cao tâm vóc trẻ em Việt Nam đã được triển khai, kết quả nghiên cứu của Hall và cộng sự (2007) chỉ ra rằng chương trình dinh dưỡng học đường về tăng cân và tăng trưởng của học sinh Việt Nam có tác động nhỏ nhưng có ý nghĩa thống kê đối với kết quả tăng cân của trẻ em, tuy nhiên những đứa trẻ bị suy dinh dưỡng nhiều nhất lại được hưởng lợi ít nhất do đó cần xây dựng chương trình hướng mục tiêu để hướng tới hiệu quả hơn nữa, giúp cải thiện dinh dưỡng cho học sinh.

Tài liệu tham khảo

Lê Đăng Doanh, 2016, Kinh tế Việt Nam sau 30 năm đổi mới, cần một cuộc đổi mới lần thứ hai, Hội thảo quốc tế "Việt Nam sau 30 năm đổi mới: Thành tựu và triển vọng", 11/2016.

Viện Dinh dưỡng, 2014, Một vài nét về đề tài cấp nhà nước Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp can thiệp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em Việt Nam

Viện Dinh dưỡng, 2013, Hội thảo "Nâng cao tâm vóc trẻ em Việt Nam", truy cập tại <https://vov.vn/suc-khoe/viet-nam-co-khoang-1-trieu-tre-em-bi-suy-dinh-duong-282859.vov>

Nguyễn Ngọc Hiền và Sin Kam (2008), "Tình trạng dinh dưỡng và các đặc điểm liên quan đến suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi ở Nghệ An, Việt Nam", Tạp chí J Prev Med Public Health 2008;41(4):232-240

Hall, A., và cộng sự (2007), An evaluation of the impact of a school nutrition programme in Vietnam, Public Health Nutrition: 10(8), 819—826

Glewwe, P., (2014). "Child Nutrition, Economic Growth, and the Provision of Health Care Services in Vietnam", Economic Growth, Poverty, and Household Welfare in Vietnam, World Bank.